

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 70/2020/HS-ST

Ngày 09 tháng 6 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn.

2. Bà Nguyễn Thị Vượng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thọ - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 71/2020/TLST- HS ngày 08 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà B, tổ dân phố G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1950 (đã chết) và bà Đào Thị Kim T, sinh năm 1953; gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ hai; bị cáo có chồng là Dương Xuân M, sinh năm 1973 (đã chết) và có hai con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 02/12/2019 đến ngày 05/12/2019 thì bị cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Dương Mạnh C, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà A tổ dân phố G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn Q, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1949; gia đình có 5 anh chị em, bị cáo là thứ năm; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 và có 01 sinh năm 2008; tiền án, tiền sự:

Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 02/12/2019 đến ngày 05/12/2019 thì bị cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại..

(Có mặt)

* *Bị hại*: Bà Đào Thị Kim T, sinh năm 1961, trú tại: số C, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1986, trú tại: số nhà Z đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Bà Nguyễn Thị Lệ T2, sinh năm 1968, trú tại: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

(Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 28/11/2019, anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1986 trú tại số nhà Z, đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang để thăm người ốm. Anh T1 có gửi xe mô tô biển kiểm soát 98Y1-XXX tại bãi gửi xe trước cổng bệnh viện do bà Đào Thị Kim T, sinh năm 1961 trú tại số C, đường N, phường N, thành phố B quản lý. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Anh T1 quay trở lại để lấy xe ra về thì mới nhớ ra khi gửi xe đã không lấy vé. Lúc này tại bãi gửi xe có Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1981 trú tại số A, đường G, phường D, thành phố B là nhân viên trực soát vé xe đã yêu cầu Anh T1 xuất trình đăng ký xe. Do đăng ký xe bị mất từ trước nên Anh T1 không xuất trình được nên đã để lại chiếc xe trên tại bãi gửi xe.

Đến ngày 01/12/2019, khi sắp xếp chỗ để xe, T phát hiện thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98Y1-XXX của Anh T1 vẫn để ở bãi gửi xe. Do bãi gửi xe có quyết định giải tỏa nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mang về nhà để sử dụng. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 01/12/2019, T đi đến chỗ để xe mô tô trên, dùng chìa khóa xe mô tô của mình cắm vào ổ khóa điện thì thấy mở được khóa điện. T kéo lùi đuôi xe ra khỏi hàng xe, nhưng không nổ máy được nên T để lại vị trí cũ. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày T gọi điện thoại cho em chồng là Dương Mạnh C, sinh năm 1982 trú tại số nhà B, đường G, phường D với nội dung “có xe nó để lâu rồi không có giấy tờ, xuống mang về mà đi”. C hiểu ý xe của khách để quên muốn chiếm đoạt nên đã đồng ý. Khoảng 10 phút sau, C đến bãi gửi xe, T ghi vé mới số 98Y1-XXX (vé cũ đã được bà Đào Thị Kim T thu lại, kiểm đếm đối chiếu với xe tồn và hủy vé cuối mỗi ca trông xe), sau đó đưa vé mới cho C và bảo “đặt xuống dưới trả tiền”. C cầm vé và dắt xe mô tô biển kiểm soát 98Y1-XXX qua chỗ

soát vé và thu tiền do bà Nguyễn Thị Lệ T2, sinh năm 1968 ở thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang trực soát vé. Khi C trả tiền đưa vé thì bà T không nghi ngờ gì mà xé vé, cho C dắt xe ra khỏi bãi gửi xe. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe, C thuê xe ôm kéo chiếc xe đến nhà anh Nguyễn Hữu K, sinh năm 1983 trú tại số nhà 168, đường G, phường D, thành phố B để sửa ổ khóa điện và sử dụng.

Đến ngày 02/12/2019, Anh T1 quay trở lại xem số khung số máy của xe để làm thủ tục đăng ký lại xe thì không tìm thấy xe đâu. Anh T1 đã cùng bà Đào Thị Kim T chủ bãi gửi xe trình báo công an. Cùng ngày, Nguyễn Thị Phương T và Dương Mạnh C đến Công an thành phố B đầu thú giao nộp chiếc xe trên. Cơ quan điều tra còn tạm giữ của C: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S Plus màu vàng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen và số tiền 1.120.000 đồng; tạm giữ của T : 01 điện thoại di động Iphone 76 màu hồng, 01 điện thoại di động Nokia 1280, số tiền 7.500.000 đồng, 01 chìa khóa xe mô tô ký hiệu Honda dài 08 cm.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 173/KL-HĐĐG ngày 04/12/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98Y1-XXX, nhãn hiệu Honda Air Blade màu sơn đen, xe đã qua sử dụng có trị giá 8.000.000 đồng (bút lục: 46).

Ngày 04/12/2019, Cơ quan điều tra đã thu giữ dữ liệu của Camera an ninh tại bãi gửi xe của bà Đào Thị Kim T trong đó có đoạn hình ảnh T dắt xe của Anh T1 ra khỏi hàng và nổ máy; hình ảnh C gặp T và C dắt xe ra khỏi bãi gửi xe. Ngày 13/01/2020, Cơ quan điều tra đã cho Nguyễn Thị Phương T, Dương Mạnh C xem lại hình ảnh thu được từ camera an ninh, kết quả T xác nhận người mặc áo dài tay màu đen, quần màu đen, đi giày trắng dùng chìa khóa xe mở ổ khóa điện, sau đó kéo lùi chiếc xe biển số 98Y1-XXX có đuôi xe sáng đèn từ khoảng 17 giờ 23 phút đến 17 giờ 35 phút ngày 01/12/2019 chính là T; C xác nhận hình ảnh người mặc áo khoác màu đen, quần dài màu đen, đầu đội mũ bảo hiểm ngồi trên xe mô tô Hoda Air Blade màu đen biển kiểm soát 98Y1-XXX gặp người phụ nữ soát vé, lấy xe ra khỏi bãi gửi xe chính là C.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định được chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98Y1-XXX đăng ký chính chủ anh Nguyễn Văn T1. Ngày 07/12/2019, Cơ quan điều tra đã trả cho Anh T1 chiếc xe trên. Anh T1 và bà Đào Thị Kim T đều không yêu cầu bồi thường gì.

Đối với 01 chiếc chìa khóa thu giữ của T sử dụng mở khóa điện, 02 điện thoại Nokia 1280 của T và C liên lạc đến lấy xe, cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định, và trả lại tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội cho C và T.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận hành vi như nêu trên.

Cáo trạng số 78/KSĐT ngày 08/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng đã nêu.

Bị hại là bà Đào Thị Kim T xác nhận nội dung cáo trạng là đúng, bà không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đều có lời khai xác định sự việc như cáo trạng nêu và không ai có yêu cầu gì về bồi thường dân sự đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1, Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Phương T và bị cáo Dương Mạnh C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

2, Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán-Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương T từ 08 tháng đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Dương Mạnh C từ 07 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo và bị cáo C cho UBND phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

3, Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Nokia 1280 đã qua sử dụng của Nguyễn Phương T và 01 điện thoại di động Nokia 1280 đã qua sử dụng của Dương Mạnh C.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chìa khóa xe mô tô ký hiệu Honda dài 08 cm.

4, Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại có mặt không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Những Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của những người này nên căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt họ.

[3] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, của bị hại, của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 10 phút ngày 01/12/2019, Nguyễn Thị Phương T cùng Dương Mạnh C đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98Y1-XXX, nhãn hiệu Honda Air Blade màu sơn đen trị giá 8.000.000 đồng gửi tại bãi gửi xe do bà Đào Thị Kim T, địa chỉ số 23 ngõ 5, đường N, phường N thành phố B, tỉnh Bắc Giang đang quản lý. Chiếc xe trên thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1986 ở số nhà 138 đường C, phường T, thành phố B. Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản tại bãi gửi xe của bà Thanh, các bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98Y1-XXX, nhãn hiệu Honda Air Blade do bà T2 đang nhận trông giữ của Anh T1. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền

sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định trật tự an ninh tại địa phương, bị dư luận và quần chúng nhân dân lên án.

[5] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự câu kết chặt chẽ, không tổ chức, bàn bạc, phân công thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo T là người có vai trò chính, bị cáo là người chuẩn bị các công cụ để bị cáo C thực hiện hành vi lấy trộm xe mô tô, bị cáo C có vai trò thứ hai.

[6] Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội này, các bị cáo đều chưa bị xử lý hành chính, chưa bị Tòa án nào xét xử về tội gì.

[7] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, lần phạm này là lần đầu tiên thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú. Đối với bị cáo C có mẹ đẻ được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần áp dụng cho các bị cáo khi lượng hình.

[8] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Với tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, như trên, xét bản thân các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, Hội đồng xét xử xét thấy không cần bắt các bị cáo chịu hình phạt tù, cho các bị cáo hưởng án treo thì các bị cáo cũng có thể tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán-Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo

[9] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, lẽ ra cần áp dụng khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo để sung ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, xét các bị cáo hoàn cảnh kinh tế còn khó khăn, sau khi phạm tội đã ra đầu thú và trả lại ngay tài sản đã lấy trộm nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung để các bị cáo yên tâm cải tạo thành người lương thiện.

[10] Về trách nhiệm dân sự trong vụ án: Không ai có yêu cầu gì về bồi thường dân sự, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Về vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động Nokia 1280 đã qua sử dụng của Nguyễn Thị Phương T và 01 điện thoại di động Nokia 1280 đã qua sử dụng của Dương Mạnh C là

phương tiện liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 chiếc chìa khóa xe mô tô ký hiệu Honda dài 08 cm của bị cáo T không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm a khoản 1 Điều 47; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán-Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1, Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Phương T và bị cáo Dương Mạnh C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

2, Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương T 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Dương Mạnh C 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Phương T và bị cáo Dương Mạnh C cho UBND phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật hình sự.

3, Về vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Nokia 1280 đã qua sử dụng của Nguyễn Thị Phương T và 01 điện thoại di động Nokia 1280 đã qua sử dụng của Dương Mạnh C.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chìa khóa xe mô tô ký hiệu Honda dài 08 cm.

4, Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5, Về quyền kháng cáo:

- Các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND TP B.
- Công an TP B.
- Chi cục THADS TPB.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Trần Mạnh Thắng

